

MẪU NHÃN THUỐC

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 19/09/2017

Box of 10 blisters of 10 enteric coated tablets
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao tan trong ruột

ASPIRIN 500

2. Nhãn trung gian:
- Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao tan trong ruột.



ASPIRIN 500

Acid acetylsalicylic 500mg

Thành phần: Mỗi viên nén bao tan trong ruột chứa:
Acid acetylsalicylic.....500 mg
Tá dược vđ.....1 viên.

Chỉ định - Chống chỉ định - Tác dụng không mong muốn - Thận trọng - Liều dùng - Cách dùng và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Để ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

SDK/ Reg. No.: XX-XXXX-XX

GMP-WHO
Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang



Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

TP. Long Xuyên, ngày 05 tháng 09 năm 2017

Tổng Giám Đốc
P.TGD Quản Lý Chất Lượng

DS. Phạm Thị Bích Thủy



ASPIRIN 500

Acetylsalicylic acid 500mg

Composition: Each enteric coated tablet contains:
Acetylsalicylic acid500 mg
Excipients q.s1 tablet.

Indications - Contraindications - Undesirable effects - Precautions - Dosage - Administration and other information: Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light, below 30°C.

Số lô SX/ Batch No.: XXXXXX
Ngày SX/ Mfg. Date: XX/XX/XX
HĐ/ Exp. Date: XX/XX/XX

Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use

Trang 1

07/159

(2)

- 1. Nhãn trực tiếp:
- Vỉ 10 viên nén bao tan trong ruột.

MẪU NHÃN THUỐC



- 2. Nhãn trung gian:
- Hộp 20 vỉ x 10 viên nén bao tan trong ruột.

<p>Hộp 20 vỉ x 10 viên nén bao tan trong ruột Box of 20 blisters of 10 enteric coated tablets</p> <h1>ASPIRIN 500</h1>			
<h1>ASPIRIN 500</h1> <p>Acid acetylsalicylic 500 mg</p>	<p>Thành phần: Mỗi viên nén bao tan trong ruột chứa: Acid acetylsalicylic.....500 mg Tá dược vđ1 viên.</p> <p>Chỉ định - Chống chỉ định - Tác dụng không mong muốn - Thận trọng - Liều dùng - Cách dùng và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.</p> <p>Bảo quản: Để ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.</p> <p>SDK/ Reg. No.: XX-XXXX-XX</p>	<h1>ASPIRIN 500</h1> <p>Acetylsalicylic acid 500 mg</p>	<p>Composition: Each enteric coated tablet contains: Acetylsalicylic acid500 mg Excipients q.s 1 tablet.</p> <p>Indications - Contraindications - Undesirable effects - Precautions - Dosage - Administration and other information: Read the leaflet insert.</p> <p>Storage: Protect from humidity and light, below 30°C.</p> <p>Số lô SX/ Batch No.: XXXXXX Ngày SX/ Mfg. Date: XX/XX/XX HĐ/ Exp. Date: XX/XX/XX</p>
<p>GMP-WHO Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thành An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang</p>	<p>Để xa tầm tay trẻ em Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng</p>	<p>GMP-WHO Agimexpharm Pharmaceutical Joint Stock Company 27 Nguyễn Thái Học Street, Mỹ Bình Ward, Long Xuyên City, An Giang Province, Vietnam Manufactured by: Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC. Agimexpharm Pharmaceutical Factory Vũ Trọng Phụng Street, Thành An Hamlet, Mỹ Thới Ward, Long Xuyên City, An Giang Province, Vietnam</p>	<p>Keep out of reach of children Read carefully the instructions before use</p>

TP. Long Xuyên, ngày 05 tháng 06 năm 2017
 TIA TÔNG GIÁM ĐỐC
 P.TGD. Quản Lý Chất Lượng
 DS. Phạm Thị Bích Thủy

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH

ASPIRIN 500

My

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Đề xa tầm tay trẻ em

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng ghi trên nhãn

Thành phần: Mỗi viên nén bao tan trong ruột chứa:

Acid acetylsalicylic500 mg

Tá dược vđ 1 viên.

(Tinh bột mì, Microcrystallin cellulose 101, Natri starch glycolat, Acid stearic, Colloidal silicon dioxid, Sepifilm LP 770, Methacrylic acid copolymer, Polyethylen glycol 4000, Talc, Diethyl phtalat).

Mô tả sản phẩm: Viên nén tròn, bao phim màu trắng, hai mặt trơn, đường kính 12 mm.

Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao tan trong ruột.

Hộp 20 vỉ x 10 viên nén bao tan trong ruột.

Thuốc dùng cho bệnh gì:

Thuốc này chứa acid acetylsalicylic dùng:

- Giảm đau nhẹ và vừa trong các trường hợp: nhức đầu, cảm cúm, viêm khớp, thấp khớp, đau dây thần kinh, đau cơ, đau lưng, bong gân, đau răng, đau do các chấn thương.
- Giảm sốt.

Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng:

Cách dùng:

Uống nguyên viên thuốc sau khi ăn, không được nhai hay nghiền nát.

Liều dùng:

- Giảm đau, hạ sốt: Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống 1 viên /lần x 4 - 6 lần/ngày nếu cần. Không dùng quá 3 g/ngày.
- Chống viêm (viêm khớp dạng thấp): Uống 2 viên/lần x 4 - 5 lần/ngày. Không dùng quá 4 g/ngày.

Khi nào không nên dùng thuốc này:

Không dùng thuốc này nếu bạn:

- Mẫn cảm với dẫn xuất salicylat và NSAID.
- Có tiền sử bệnh hen.
- Loét dạ dày - tá tràng.
- Có các dạng xuất huyết do thể tạng hay do mắc phải.
- Có nguy cơ xuất huyết.
- Có tốc độ lọc cầu thận dưới 30 ml/phút và xơ gan.
- Đang có thai trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối của thai kỳ hoặc đang cho con bú.

Tác dụng không mong muốn (ADR):

Giống như tất cả các loại thuốc, thuốc này có thể gây ra tác dụng phụ, nhưng nhiều người không



có hoặc ít phản ứng phụ.

Thường gặp, ADR >1/100

- Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn, khó tiêu, khó chịu ở thượng vị, ợ nóng, đau dạ dày, loét dạ dày - ruột.
- Hệ thần kinh trung ương: Mệt mỏi.
- Da: Ban, mào đay.
- Huyết học: Thiếu máu tan máu.
- Thần kinh - cơ và xương: Yếu cơ.
- Hô hấp: Khó thở.
- Khác: Sốc phản vệ.

Ít gặp, 1/1000 < ADR <1/100

- Hệ thần kinh trung ương: Mất ngủ, bồn chồn, cáu gắt.
- Nội tiết và chuyển hóa: Thiếu sắt.
- Huyết học: Chảy máu ẩn, thời gian chảy máu kéo dài, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu, thiếu máu.
- Gan: Độc hại gan.
- Thận: Suy giảm chức năng thận.
- Hô hấp: Co thắt phế quản.

Nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nào, nhất là khi phát hiện những dấu hiệu phát ban trên da đầu tiên hoặc bất kỳ dấu hiệu phản ứng quá mẫn nào khác, bạn cần phải ngừng sử dụng thuốc. Nếu xảy ra phản ứng dị ứng nặng bạn nên đến ngay bệnh viện để cấp cứu kịp thời.

Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này:

Trước khi dùng thuốc này, bạn nên tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn đang dùng các loại thuốc khác, bao gồm cả thuốc kê đơn và không kê đơn, thuốc từ dược liệu hoặc thực phẩm chức năng. Đặc biệt các nhóm thuốc sau:

- Các thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) khác như ibuprofen, indomethacin, naproxen và fenoprofen.
- Thuốc kháng viêm corticosteroid.
- Thuốc uống chống đông máu như warfarin.
- Thuốc hạ đường huyết như sulphonylurea.
- Thuốc chữa động kinh như phenytoin, acid valproic.
- Thuốc lợi tiểu như spironolacton.
- Thuốc dùng chữa bệnh gout như probenecid, sulphinyprazol.
- Penicilin.
- Methotrexat.

Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc:

Uống liều bị quên ngay lúc nhớ ra. Nếu liều đó gần với lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều bị quên và tiếp tục uống thuốc theo đúng thời gian qui định. Không dùng 2 liều cùng lúc.

Cần bảo quản thuốc này như thế nào:

Đề ở nhiệt độ dưới 30⁰C, tránh ẩm và ánh sáng.

Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:

Khi uống một lượng lớn acid acetylsalicylic có thể dẫn đến thở sâu, nhanh, ù tai, điếc, giãn mạch, ra mồ hôi.

Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo:

Gọi cho bác sĩ của bạn hoặc đến ngay cơ sở y tế gần nhất.

Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này:

Các tình trạng cần thận trọng:

Trước khi dùng thuốc này, bạn hãy cho bác sĩ biết nếu bạn có bất kỳ tình trạng nào dưới đây:

- Phụ nữ dự định có thai, đang có thai hoặc cho con bú.
- Bạn có bất kỳ vấn đề về tim mạch.
- Bạn có tiền sử loét dạ dày - tá tràng.
- Bạn có nguy cơ chảy máu.
- Bạn bị suy gan, suy thận.
- Bạn đã từng có một phản ứng dị ứng với thuốc, thực phẩm hoặc các chất khác.
- Bạn trên 65 tuổi.
- Nếu bạn bị dị ứng với lúa mì (khác với bệnh Celiac) vì thành phần tá dược của thuốc này có tinh bột mì có thể gây bất lợi cho bạn.

Các khuyến cáo dùng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không dùng thuốc này cho phụ nữ có thai trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối thai kỳ. Thận trọng lúc nuôi con bú do acid acetylsalicylic được bài tiết vào sữa mẹ.

Tác động của thuốc đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Chưa có thông tin về ảnh hưởng của thuốc đến việc lái tàu xe và vận hành máy móc.

Khi nào cần tham vấn bác sỹ, dược sỹ:

Phụ nữ dự định có thai, đang có thai hoặc cho con bú.

Đang sử dụng loại thuốc khác, bao gồm cả thuốc kê đơn và không kê đơn, thuốc từ dược liệu hoặc thực phẩm chức năng.

Phản ứng dị ứng như phát ban da, sưng mắt, cổ hoặc cổ họng, suyễn nặng, khó thở.

Có vấn đề về dạ dày như đau, khó tiêu hoặc ợ nóng.

Nếu bạn đi tiêu ra máu hoặc phân đen, nôn ra máu hoặc chất trông giống như hạt cà phê (nguy cơ chảy máu/ loét hoặc thủng dạ dày hoặc ruột).

Có vấn đề về thính giác (như ù tai), cảm thấy chóng mặt, cảm thấy bối rối.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

Hạn dùng của thuốc: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.



Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm

Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An,

P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang

Tel: 0296 3857300 Fax: 0296 3857301

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: .../.../...

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

Các đặc tính dược lực học, dược động học:

Các đặc tính dược lực học:

Acid acetylsalicylic (aspirin) có tác dụng giảm đau, hạ nhiệt và chống viêm. Nói chung, cơ chế tác dụng của aspirin cũng tương tự như các thuốc chống viêm không steroid khác. Thuốc ức chế enzym cyclooxygenase (COX), dẫn đến ức chế tổng hợp prostaglandin, thromboxan và các sản phẩm khác như prostacyclin của cyclooxygenase. Có hai loại enzym COX: COX-1 thường được tìm thấy trong các mô tế bào bình thường của cơ thể (COX-1 duy trì bình thường niêm mạc dạ dày; chức năng thận và tiểu cầu) trong khi COX-2 chủ yếu thấy ở vị trí viêm, bị kích thích tăng tạo prostaglandin do các cytokin và trung gian hóa học của quá trình viêm. Cơ chế ức chế enzym COX của aspirin khác biệt hẳn so với các thuốc chống viêm không steroid khác. Aspirin gắn

cộng trị với cả hai loại COX dẫn đến ức chế không đảo ngược hoạt tính của enzym này, do đó thời gian tác dụng của aspirin liên quan đến tốc độ vòng chuyển hóa của cyclooxygenase. Còn với các thuốc chống viêm không steroid khác, do chỉ ức chế cạnh tranh tại vị trí tác dụng của COX, thời gian tác dụng sẽ liên quan trực tiếp đến thời gian thuốc tồn tại trong cơ thể.

- Acid acetylsalicylic có tác dụng ức chế kết tập tiểu cầu. Cơ chế do ức chế COX của tiểu cầu dẫn đến ức chế tổng hợp thromboxan A₂ là chất gây kết tập tiểu cầu. Tiểu cầu là tế bào không có nhân, không có khả năng tổng hợp cyclooxygenase mới, do đó cyclooxygenase bị ức chế không thuận nghịch, cho tới khi tiểu cầu mới được tạo thành. Như vậy acid acetylsalicylic ức chế không thuận nghịch kết tập tiểu cầu, cho tới khi tiểu cầu mới được tạo thành.
- Acid acetylsalicylic còn ức chế sản sinh prostaglandin ở thận. Sự sản sinh prostaglandin ở thận ít quan trọng về mặt sinh lý với người bệnh có thận bình thường, nhưng có vai trò rất quan trọng trong duy trì lưu thông máu qua thận ở người suy thận mãn tính, suy tim, suy gan hoặc có rối loạn về thể tích huyết tương. Ở những người bệnh này, tác dụng ức chế tổng hợp prostaglandin ở thận của acid acetylsalicylic có thể dẫn đến suy thận cấp tính, giữ nước và suy tim cấp tính.

Các đặc tính dược động học:

Acid acetylsalicylic khi uống được hấp thu nhanh với mức độ cao. Trong khi được hấp thu qua thành ruột, cũng như khi ở gan và máu, Acid acetylsalicylic được thủy phân thành acid salicylic, có cùng tác dụng dược lý như acid acetylsalicylic.

- Khả dụng sinh học uống: $68\% \pm 3$.
- Gắn với protein huyết tương: 49%. Tăng urê máu làm giảm gắn với protein huyết tương.
- Độ thanh thải: $9,3 \text{ ml/phút/kg} \pm 1,1$. Độ thanh thải thay đổi ở người cao tuổi và người xơ gan.
- Nửa đời sinh học: $0,25 \text{ giờ} \pm 0,03$. Nửa đời sinh học thay đổi ở người viêm gan.
- Đào thải qua thận chủ yếu dưới dạng acid salicylic tự do và các chất chuyển hóa liên hợp.

Chỉ định, liều dùng, cách dùng, chống chỉ định:

Chỉ định:

- Giảm đau nhẹ và vừa trong các trường hợp: Nhức đầu, cảm cúm, viêm khớp, thấp khớp, đau dây thần kinh, đau cơ, đau lưng, bong gân, đau răng, đau do các chấn thương.
- Giảm sốt.

Liều dùng:

- Giảm đau, hạ sốt: Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống 1 viên /lần x 4 - 6 lần/ngày. Không dùng quá 3 g/ngày.
- Chống viêm (viêm khớp dạng thấp): Uống 2 viên/lần x 4 - 5 lần/ngày. Không dùng quá 4 g/ngày.

Cách dùng:

Uống nguyên viên thuốc sau khi ăn, không được nhai hay nghiền ra.

Chống chỉ định:

- Người mẫn cảm với dẫn xuất salicylat và NSAID.
- Người có tiền sử bệnh hen.
- Người loét dạ dày - tá tràng.
- Tất cả các dạng xuất huyết do thể tạng hay do mắc phải.
- Nguy cơ xuất huyết.
- Người có tốc độ lọc cầu thận dưới 30 ml/phút và xơ gan.
- Không dùng aspirin trong 3 tháng đầu, 3 tháng cuối của thai kỳ và lúc cho con bú.

Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc:

Các tình trạng cần thận trọng:

- Cần thận trọng khi điều trị đồng thời với thuốc chống đông máu hoặc khi có nguy cơ chảy máu khác. Không kết hợp aspirin với các thuốc kháng viêm không steroid và các glucocorticoid. Khi điều trị cho người bị suy tim nhẹ, bệnh thận hoặc bệnh gan, đặc biệt khi dùng đồng thời với thuốc lợi tiểu, cần quan tâm xem xét cẩn thận nguy cơ giữ nước và nguy cơ giảm chức năng thận.
- Ở trẻ em mắc bệnh thủy đậu hoặc có những triệu chứng của cúm, khi dùng aspirin một số trường hợp mắc hội chứng Reye (bệnh hiếm gặp nhưng rất nguy hiểm). Vì vậy nhiều chỉ định dùng aspirin cho trẻ em đã bị hạn chế.
- Người cao tuổi có thể dễ bị nhiễm độc aspirin, có khả năng do giảm chức năng thận. Cần phải dùng liều thấp hơn liều thông thường dùng cho người lớn.
- Aspirin nên được sử dụng cẩn thận ở những bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày tá tràng hoặc bất thường về đông máu, thuốc cũng có thể gây xuất huyết dạ dày-ruột, đôi khi nghiêm trọng.
- Aspirin nên được sử dụng cẩn thận ở những bệnh nhân suy giảm chức năng gan hoặc thận (tránh dùng nếu bị nặng), hoặc ở những bệnh nhân bị mất nước.
- Thành phần tá dược của thuốc này có tinh bột mì: Không nên dùng thuốc này cho bệnh nhân bị dị ứng với lúa mì (khác với bệnh Celiac).

Các khuyến cáo dùng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai:

Không dùng thuốc này cho phụ nữ có thai trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối thai kỳ.

Thời kỳ cho con bú:

Thận trọng lúc nuôi con bú do acid acetylsalicylic được bài tiết vào sữa mẹ.

Tác động của thuốc đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Chưa có thông tin về ảnh hưởng của thuốc đến việc lái tàu xe và vận hành máy móc.

Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác:

Nồng độ của indomethacin, naproxen và fenoprofen giảm khi được dùng đồng thời với aspirin.

Tương tác của aspirin với warfarin làm tăng nguy cơ chảy máu, và với methotrexat, thuốc hạ glucose máu sulphonylurea, phenytoin, acid valproic làm tăng nồng độ các thuốc này trong huyết thanh và tăng độc tính.

Tương tác khác của aspirin gồm sự đối kháng với natri niệu do spironolacton và sự phong bế vận chuyển tích cực của penicilin từ dịch não - tủy vào máu.

Aspirin làm giảm tác dụng các thuốc acid uric niệu như probenecid và sulphinpyrazol.

Tác dụng không mong muốn:

Thường gặp, ADR > 1/100

- Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn, khó tiêu, khó chịu ở thượng vị, ợ nóng, đau dạ dày, loét dạ dày - ruột.
- Hệ thần kinh trung ương: Mệt mỏi.
- Da: Ban, mề đay.
- Huyết học: Thiếu máu tan máu.
- Thần kinh - cơ và xương: Yếu cơ.
- Hô hấp: Khó thở.
- Khác: Sốc phản vệ.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

- Hệ thần kinh trung ương: Mất ngủ, bồn chồn, cáu gắt.
- Nội tiết và chuyển hóa: Thiếu sắt.
- Huyết học: Chảy máu ẩn, thời gian chảy máu kéo dài, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu, thiếu máu.
- Gan: Độc hại gan.

- Thận: Suy giảm chức năng thận.
- Hô hấp: Co thắt phế quản.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

ADR trên hệ thần kinh trung ương có thể hồi phục hoàn toàn trong vòng 2 - 3 ngày sau khi ngừng thuốc. Nếu có các triệu chứng chóng mặt, ù tai, giảm thính lực hoặc thương tổn gan, phải ngừng thuốc. Ở người cao tuổi, nên điều trị với liều aspirin thấp nhất có hiệu lực và trong thời gian ngắn nhất có thể được. Điều trị sốc phản vệ do aspirin với liệu pháp giống như khi điều trị các phản ứng phản vệ cấp tính. Adrenalin là thuốc chọn lọc và thường kiểm soát để đảm bảo chứng phù mạch và mày đay.

Quá liều và cách xử trí:

Biểu hiện quá liều:

Khi uống một lượng lớn acid acetylsalicylic có thể dẫn đến thở sâu, nhanh, ù tai, điếc, giãn mạch, ra mồ hôi.

Xử trí:

- Làm sạch dạ dày bằng cách gây nôn (chú ý cẩn thận để không hít vào) hoặc rửa dạ dày, cho uống than hoạt. Theo dõi và nâng đỡ các chức năng cần thiết cho sự sống. Điều trị sốt cao; truyền dịch, chất điện giải, hiệu chỉnh mất cân bằng acid - base; điều trị chứng tích ceton; giữ nồng độ glucose huyết tương thích hợp.
- Gây bài niệu bằng cách kiềm hóa nước tiểu để tăng thải trừ salicylat.
- Thực hiện truyền thay máu, thẩm tách máu, thẩm tách phúc mạc, nếu cần khi quá liều nghiêm trọng.
- Theo dõi phù phổi, co giật và thực hiện liệu pháp thích hợp nếu cần.
- Truyền máu hoặc dùng vitamin K nếu cần để điều trị chảy máu.

An Giang, ngày 05 tháng 06 năm 2017

TS. Tổng giám đốc
PTGD. Quản lý Chất lượng


DS. Phạm Thị Bích Thủy



TU. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Lô Minh Hùng